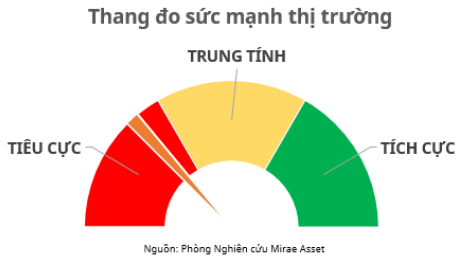


23 Tháng Năm 2022



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,218.81	-1.77	-11.63	-5.07
HNX	300.66	-2.07	-16.28	0.90
UPCOM	93.63	-0.50	-10.10	14.70
MSCI EM	1,035.31	2.01	-3.75	-22.16
NIKKEI	27,001.52	0.98	-0.38	-4.65
HANG SENG	20,470.06	-1.19	-0.82	-28.07
KOSPI	2,647.38	0.31	-2.12	-16.13
FTSE	7,440.70	0.69	-1.08	6.02
S&P 500	3,901.36	0.01	-8.67	-6.12
NASDAQ	11,354.62	-0.30	-11.56	-15.71

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.23	2.05	15.82
SET INDEX	17.68	1.20	9.44
JCI INDEX	16.24	2.08	13.01
PCOMP INDEX	19.20	1.64	8.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.38	0	15	125
10 năm	3.14	0	8	80

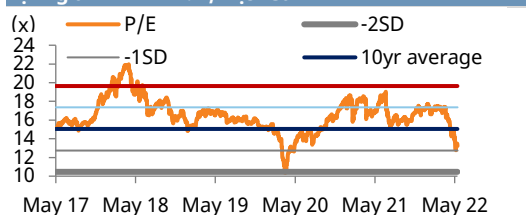
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,166	0.02	-0.87	-0.47
US\$/KRW	1,264	0.30	-1.18	-10.87
US\$/JPY	128	0.22	0.42	-14.77
US\$/EUR	0.94	-0.57	0.84	15.00
US\$/GBP	0.80	-0.52	1.44	12.71
US\$/SGD	1.38	0.38	-0.07	-3.44

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	491	626	980
HNX	65	69	133
UPCOM	32	31	74

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Rủi ro gia tăng

3 phiên giao dịch đi ngang liên tiếp, tương như VN-Index đã hình thành được xu thế đi ngang trong ngắn hạn, tuy nhiên phiên giao dịch hôm nay đã chấm dứt xu thế này khi nhà đầu tư nhìn nhận rủi ro có thể gia tăng và gia tăng lực bán, đánh dấu phiên giảm khá mạnh đầu tuần của VN-index. Mở phiên trong sắc xanh, tuy nhiên VN-Index dần suy yếu và rơi nhanh vào phiên chiều, dấu cho có phục hồi nhẹ vào phiên ATC. Đóng cửa hôm nay, VN-index chốt tại 1.218 điểm, giảm 22 điểm, tương ứng 1,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 13.332 tỷ đồng, HNX: 1.718 tỷ đồng, UPCOM: 851 tỷ đồng.

Giả khá mạnh gần 2%, tuy nhiên vẫn có những nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường. Dầu khí với PVD, PVS, OIL và BSR vẫn giữ được sắc xanh khi giá dầu tiếp tục neo cao ở mức \$110/thùng. Tiếp theo là Thủy sản ANV, ASM, CMX và IDI với mức tăng mạnh từ 3%-7%. Trong khi đó, nhóm Ngân hàng bị bán mạnh với các blue-chip đều giảm sâu như: ACB, BID, CTG, MBB, STB, TCB, TPB từ 2,5%-6%. Nhóm Chứng khoán rơi sâu nhất với các mã đều chạm sàn trong ngày, dấu cho phục hồi vào phiên ATC, tuy nhiên SSI và HCM vẫn kết phiên với giá sần.

Khối ngoại hôm nay tiếp tục bán ròng ngày thứ 3 liên tục với giá trị khắp 3 sàn là 360 tỷ. Trong đó SSI bị bán ròng mạnh nhất với 150 tỷ, tiếp theo là VIC (80 tỷ), VNM, HPG, VHM (47 tỷ đồng).

Phiên giảm điểm khá mạnh khiến điểm số kỹ thuật của VN-Index suy giảm mạnh. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,2x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

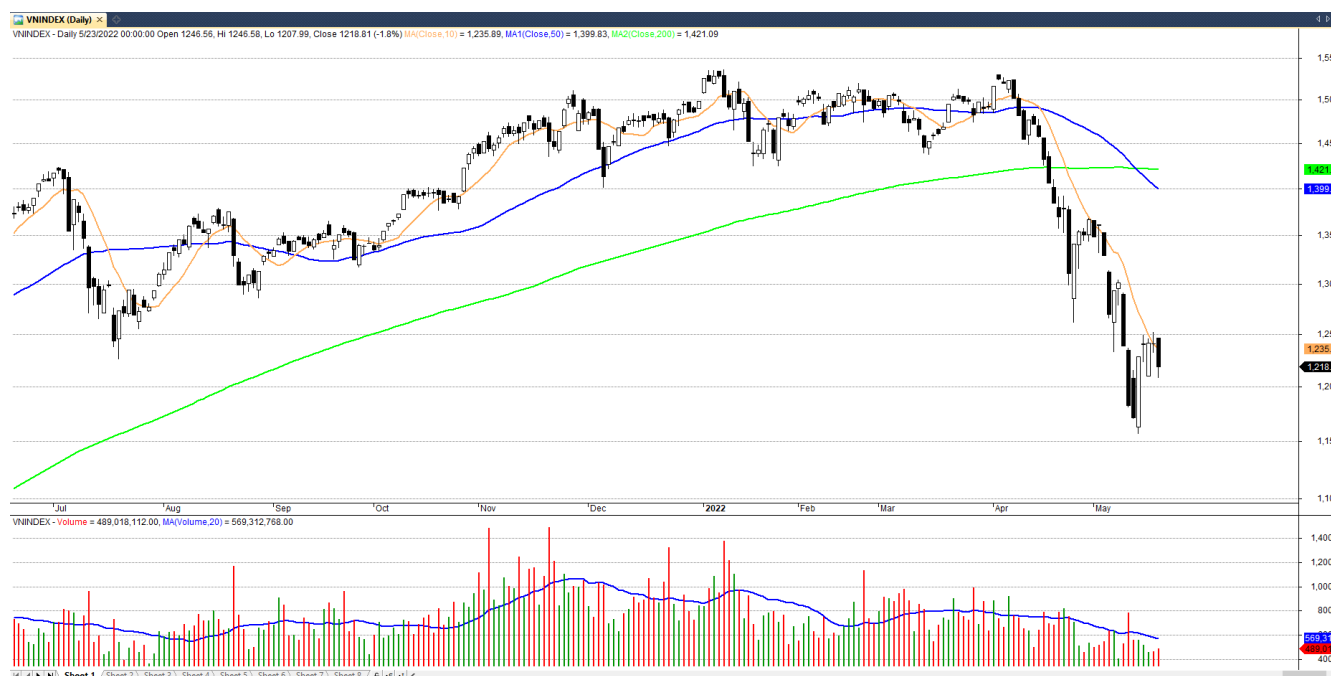
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/05/2022)	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.150

Thanh khoản tiếp tục mất hút và kèm theo phiên giảm điểm khá mạnh. Điểm kỹ thuật của VN-Index suy giảm và xu hướng ngắn hạn thể hiện tiêu cực.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

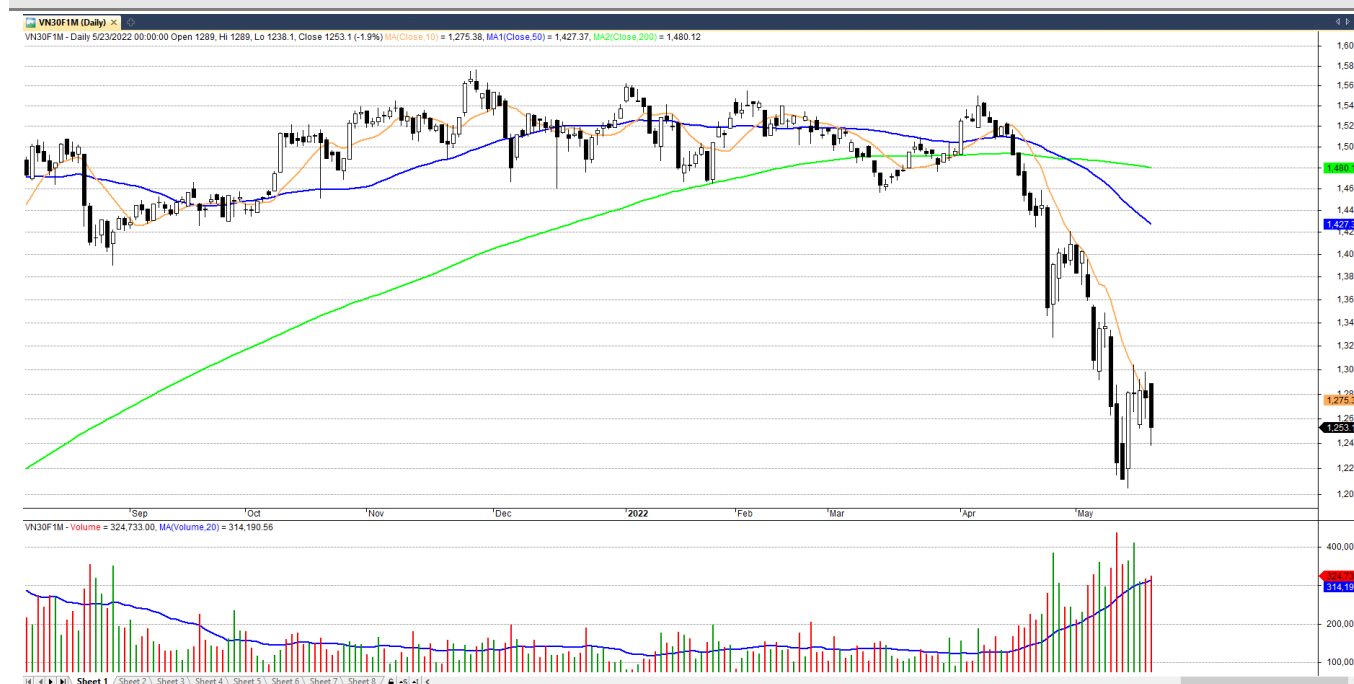
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/05/2022)	1.253	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.450
VN30 - đóng cửa	1.255	Hỗ trợ 1 1.260
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,25	Hỗ trợ 2 1.200

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M rơi mạnh vào cuối phiên khiến điểm kỹ thuật intra-day chuyển sang tiêu cực, điểm kỹ thuật theo ngày vẫn giữ được mức trung tính nhưng ở mức -2.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
BSR	24.2	6,778,910	7	KHẢ QUAN	74,722	11.4	2.0	164
PVD	20.75	7,242,880	7	KHẢ QUAN	10,486	184.8	0.8	150
HDB	24.2	2,878,700	6	KHẢ QUAN	48,695	7.5	1.6	70
PVT	19.5	3,569,685	6	KHẢ QUAN	6,311	9.3	1.2	70
PVC	22.6	1,822,355	6	KHẢ QUAN	1,130	523.1	1.6	41
DIG	54.8	8,795,305	4	KHẢ QUAN	27,394	25.9	3.7	482
PVS	27.9	11,808,420	4	KHẢ QUAN	13,335	19.8	1.1	329
DCM	33.3	5,506,720	4	KHẢ QUAN	17,629	5.9	2.0	183
CEO	36.6	4,788,275	4	KHẢ QUAN	9,419	64.1	3.1	175
KBC	40.8	4,202,200	4	KHẢ QUAN	23,604	35.5	1.6	171
IDC	49	3,428,535	4	KHẢ QUAN	14,700	22.4	3.5	168
NKG	30	5,306,645	4	KHẢ QUAN	6,582	2.6	1.1	159
SHB	14.5	10,242,440	4	KHẢ QUAN	38,670	6.0	1.0	149
CII	20.8	5,714,515	4	KHẢ QUAN	5,246	16.4	1.0	119
SHS	16.1	7,354,360	4	KHẢ QUAN	6,570	5.2	1.2	118
VCI	35.3	3,264,700	4	KHẢ QUAN	11,755	7.2	1.6	115
PNJ	104.5	789,835	4	KHẢ QUAN	25,327	19.2	3.2	83
HDG	46	1,187,515	4	KHẢ QUAN	9,377	8.9	2.0	55
AAA	11.9	4,105,455	4	KHẢ QUAN	3,885	12.1	0.8	49
GVR	23.7	1,948,395	4	KHẢ QUAN	94,800	21.6	1.9	46
VGC	36.8	1,077,265	4	KHẢ QUAN	16,499	10.0	2.1	40
IDJ	17.8	2,210,325	4	KHẢ QUAN	2,617	11.1	1.5	39
HUT	27.1	3,304,850	3	TRUNG TÍNH	9,448	51.6	2.4	90
LCG	14.8	3,698,760	3	TRUNG TÍNH	2,552	12.9	1.1	55
SSI	26.5	14,789,055	2	TRUNG TÍNH	26,308	8.8	1.8	392
POW	12.75	11,583,025	2	TRUNG TÍNH	29,859	14.9	1.0	148
CTG	25	5,094,145	2	TRUNG TÍNH	120,144	9.8	1.2	127
BCG	19.9	6,204,845	2	TRUNG TÍNH	10,016	9.0	1.6	123
HAG	8.81	13,312,040	2	TRUNG TÍNH	8,170	16.0	1.8	117
VCG	27.5	3,826,550	2	TRUNG TÍNH	12,147	14.5	1.8	105
HBC	19.8	4,740,425	2	TRUNG TÍNH	4,864	44.2	1.3	94
ITA	11.2	7,873,255	2	TRUNG TÍNH	10,509	47.6	1.0	88
REE	73.5	1,184,795	2	TRUNG TÍNH	26,123	12.3	1.9	87
HCM	21.5	3,857,940	2	TRUNG TÍNH	9,830	8.2	1.3	83
HDC	54.7	1,348,780	2	TRUNG TÍNH	4,730	14.2	3.1	74

HQC	5.59	12,554,310	2	TRUNG TÍNH	2,664	639.6	0.6	70
VIX	11.95	4,564,850	2	TRUNG TÍNH	6,563	5.8	1.1	55
TCH	12.8	4,213,490	2	TRUNG TÍNH	8,453	16.0	0.9	54
FCN	16.9	3,187,165	2	TRUNG TÍNH	2,661	47.3	1.0	54
KSB	32.6	1,421,220	2	TRUNG TÍNH	2,487	11.6	1.3	46
PHR	60.3	622,905	2	TRUNG TÍNH	8,171	11.9	2.5	38
SBT	16	2,329,585	2	TRUNG TÍNH	10,066	14.0	1.2	37
DGC	214.6	1,730,820	0	TRUNG TÍNH	36,714	11.4	5.0	371
VHM	66.7	4,993,895	0	TRUNG TÍNH	290,436	7.6	2.2	333
DPM	55.7	5,686,020	0	TRUNG TÍNH	21,523	4.3	1.8	317
GEX	21	13,001,160	0	TRUNG TÍNH	17,881	15.5	1.4	273
MBB	26.3	9,419,015	0	TRUNG TÍNH	99,370	7.3	1.6	248
HSG	21.15	8,412,025	0	TRUNG TÍNH	10,437	3.0	0.9	178
NLG	45.5	3,638,510	0	TRUNG TÍNH	17,424	24.0	2.0	166
MSN	104.5	1,187,130	0	TRUNG TÍNH	148,039	14.8	5.4	124
VRE	27.35	4,369,815	0	TRUNG TÍNH	62,148	68.2	2.0	120
DGW	108.2	800,260	0	TRUNG TÍNH	9,803	12.6	4.8	87
LPB	14.4	5,688,655	0	TRUNG TÍNH	21,652	6.5	1.1	82
TNG	27.6	2,899,550	0	TRUNG TÍNH	2,558	9.5	1.8	80
CTR	77.5	943,345	0	TRUNG TÍNH	7,202	18.3	5.1	73
GAS	103.5	666,480	0	TRUNG TÍNH	198,094	20.3	3.6	69
PLX	40.25	1,438,840	0	TRUNG TÍNH	51,141	20.6	2.0	58
LDG	12.4	4,489,390	0	TRUNG TÍNH	2,969	21.9	0.9	56
BID	33.35	1,569,180	0	TRUNG TÍNH	168,702	14.7	1.9	52
PC1	32.6	1,488,915	0	TRUNG TÍNH	7,666	10.1	1.6	49
TSC	9.38	4,405,920	0	TRUNG TÍNH	1,847	11.5	0.8	41
CMX	17.7	2,188,400	0	TRUNG TÍNH	1,607	11.9	1.5	39
VND	23.3	10,900,050	-2	TRUNG TÍNH	28,376	6.7	1.8	254
MWG	130.8	1,722,375	-2	TRUNG TÍNH	95,749	18.6	4.3	225
VHC	90.5	1,897,530	-2	TRUNG TÍNH	16,466	10.9	2.6	172
VNM	66.3	2,301,905	-2	TRUNG TÍNH	138,564	15.1	4.3	153
FLC	6.77	14,409,260	-2	TRUNG TÍNH	4,807	#N/A N/A	0.5	98
TPB	30	3,143,125	-2	TRUNG TÍNH	47,453	9.1	1.7	94
ASM	16.9	4,961,375	-2	TRUNG TÍNH	5,687	8.2	1.1	84
IDI	20.75	3,725,490	-2	TRUNG TÍNH	4,724	14.9	1.5	77
KDC	50.3	1,284,510	-2	TRUNG TÍNH	12,657	20.6	1.9	65
ROS	4.7	12,410,645	-2	TRUNG TÍNH	2,668	28.1	0.4	58
TTF	9	4,671,545	-2	TRUNG TÍNH	3,542	64.8	8.9	42
VGT	18.3	2,173,300	-2	TRUNG TÍNH	9,150	11.7	1.3	40
STB	20.35	18,185,804	-4	TIÊU CỰC	38,364	9.7	1.1	370
TCB	34.85	8,115,600	-4	TIÊU CỰC	122,355	6.4	1.3	283
FPT	96.5	2,809,885	-4	TIÊU CỰC	88,220	18.7	4.6	271
NVL	76.4	2,994,465	-4	TIÊU CỰC	148,959	35.2	4.1	229
DXG	25.3	8,546,135	-4	TIÊU CỰC	15,370	16.8	1.7	216
VIC	77.4	2,333,060	-4	TIÊU CỰC	295,199	#N/A N/A	2.8	181
GMD	50.5	2,913,690	-4	TIÊU CỰC	15,220	22.4	2.3	147
FRT	111.5	1,165,810	-4	TIÊU CỰC	8,806	15.3	4.8	130
ACB	28.45	3,628,800	-4	TIÊU CỰC	76,870	7.4	1.6	103

ANV	42.4	1,751,080	-4	TIÊU CỰC	5,390	19.9	2.1	74
VJC	125	589,175	-4	TIÊU CỰC	67,701	345.8	4.0	74
VPI	58.9	1,155,835	-4	TIÊU CỰC	12,958	32.0	4.2	68
MIG	25.4	2,475,920	-4	TIÊU CỰC	3,632	14.3	2.0	63
SCR	12.1	4,471,195	-4	TIÊU CỰC	4,433	21.2	0.9	54
KDH	40.9	1,171,885	-4	TIÊU CỰC	26,296	21.8	2.5	48
TCM	58.9	647,380	-4	TIÊU CỰC	4,197	32.1	2.4	38
PVX	5.1	7,225,015	-4	TIÊU CỰC	2,040	28.2	7.3	37
HPG	36.75	19,303,096	-6	TIÊU CỰC	164,380	4.9	1.7	709
VPB	29.3	14,878,265	-6	TIÊU CỰC	130,252	7.6	1.5	436
HAH	72.5	1,971,115	-6	TIÊU CỰC	4,951	9.0	3.0	143
BVH	50.3	2,030,345	-6	TIÊU CỰC	37,710	19.9	1.7	102
VCB	73.9	1,307,375	-6	TIÊU CỰC	352,099	15.3	3.0	97
VSC	43.05	1,632,565	-6	TIÊU CỰC	4,746	14.3	1.7	70
VPG	46.2	823,310	-6	TIÊU CỰC	3,368	6.4	2.2	38
BCM	71.1	517,960	-6	TIÊU CỰC	73,589	59.7	4.4	37
PDR	53	2,409,480	-7	TIÊU CỰC	35,597	19.1	4.9	128

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

PLX: trình chia cổ tức 2021 tỷ lệ 12% bằng tiền mặt

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) trình phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%, tương ứng với mức thanh toán 1.524,7 tỷ đồng. Phương án chia cổ tức được dựa trên kết quả kinh doanh năm 2021 gồm doanh thu 169.106 tỷ đồng, tăng 36%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 2.839 tỷ đồng, gấp 2,8 lần năm trước. Bước sang năm 2022, ban lãnh đạo dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với khó khăn, thách thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, ngay trong những tháng đầu năm, thế giới đã chứng kiến những cú “sốc” về giá dầu, nguồn cung xăng dầu thiếu hụt do chiến tranh Nga – Ukraine bùng phát. Ở trong nước, nguồn cung xăng dầu của các nhà máy lọc dầu chưa ổn định, đã ảnh hưởng rất lớn tới kế hoạch tạo nguồn, tổ chức sản xuất kinh doanh ngành hàng chủ lực, cốt lõi của tập đoàn. Do vậy, kế hoạch kinh doanh năm nay gồm doanh thu hợp nhất 186.000 tỷ đồng, tăng 10%; lợi nhuận hợp nhất trước thuế 3.060 tỷ đồng, giảm 19%. Tỷ lệ cổ tức duy trì 12% mệnh giá.

NKG: chốt quyền trả cổ tức năm 2021 tổng tỷ lệ 30%

Thép Nam Kim (HoSE: NKG) công bố ngày 6/6 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu năm 2021. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10%, tổng giá trị thanh toán 219 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện dự kiến 5/7. Đồng thời, công ty cũng phát hành gần 44 triệu cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 20%. Vốn điều lệ sau phát hành tăng từ 2.194 tỷ đồng lên 2.633 tỷ đồng.

FPT: báo lãi sau thuế 4 tháng tăng gần 32%

Tập đoàn FPT (HoSE: FPT) vừa công bố kết quả kinh doanh 4 tháng đầu năm với doanh thu thuần 12.991 tỷ đồng, lãi sau thuế 2.081 tỷ đồng; lần lượt tăng 24,5% và 32% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng trong tháng 4, doanh thu của công ty đạt 3.261 tỷ đồng, tăng 14,6% so với tháng 4/2021; lợi nhuận sau thuế tăng 25% lên 534 tỷ đồng. Doanh thu mảng công nghệ đạt 7.376 tỷ đồng, tăng 27,5% và chiếm 57% tổng doanh thu; lãi trước thuế 1.045 tỷ đồng, 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ chuyển đổi số tăng 90,2%, riêng doanh thu đến từ dịch vụ đám mây (Cloud) gấp 4 lần so với cùng kỳ và chiếm 58% doanh thu dịch vụ chuyển đổi số. Mảng xuất khẩu phần mềm đạt doanh thu 5.540 tỷ đồng, tăng 29%, đóng góp bởi sức tăng đến từ thị trường Mỹ (tăng 67%) và APAC (tăng 40%). Hệ sinh thái Made-by-FPT ghi nhận doanh thu tăng 85,5% lên 336 tỷ đồng trong 4 tháng đầu năm. Khối lượng đơn hàng ký mới tại thị trường nước ngoài tăng 40,3% lên 9.018 tỷ đồng. Mảng viễn thông ghi nhận doanh thu 4.649 tỷ đồng, tăng 17,2% và chiếm 35% tổng doanh thu tập đoàn; lợi nhuận trước thuế 936 tỷ đồng, tăng 20%. Mảng giáo dục, đầu tư và khác đạt 966 tỷ đồng doanh thu, tăng 42,3%; 437 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 39%. Mới đây, tập đoàn đã đưa ra Nghị quyết HĐQT trả

số cổ tức tiền mặt còn lại của năm 2021 tỷ lệ 10%, mỗi cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Với 914 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 914 tỷ đồng để thanh toán cổ tức tiền mặt. Cùng với đó, FPT dự kiến phát hành 182,8 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 20% trả cổ tức. Vốn điều lệ tăng từ 9.142 tỷ đồng lên 10.970 tỷ đồng. Thời điểm dự kiến chốt danh sách cổ đông trong tháng 6 và trả cổ tức tiền mặt trong tháng 7.

VHC: Doanh thu Vĩnh Hoàn tháng 4 gần gấp đôi lên 1.651 tỷ đồng

Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC) công bố doanh thu tháng 4 (đã bao gồm Sa Giang) đạt 1.651 tỷ đồng, tăng 98% so với cùng kỳ năm trước và tăng 20% so với tháng trước. Xét theo thị trường, Mỹ tiếp tục ghi nhận tăng trưởng mạnh 240% đạt 983 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước và tăng 51% so tháng trước. Song, thị trường Trung Quốc và Mỹ ghi nhận giảm lần lượt 20% và 3% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng, doanh nghiệp cá tra báo cáo tổng doanh thu 4.924 tỷ đồng, tăng 88% so với cùng kỳ năm trước.

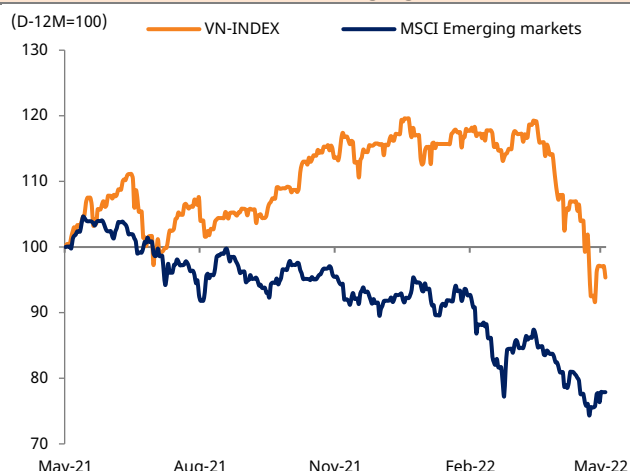
PDR: muốn tài trợ lập quy hoạch KĐT 318 ha tại Lâm Đồng

UBND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng vừa có công văn cho ý kiến về việc CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) đề xuất nghiên cứu, khảo sát tài trợ kinh phí lập quy hoạch khu đô thị tại thị trấn Di Linh và xã Gung Ré, huyện Di Linh. Theo đó, doanh nghiệp đề xuất nghiên cứu, khảo sát tài trợ kinh phí lập quy hoạch khu đô thị tại thị trấn Di Linh và xã Gung Ré với quy mô 318 ha. Sau khi xem xét báo cáo của Phòng tài chính - kế hoạch, đồng thời trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện Di Linh cho biết, về phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch, theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Di Linh đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 (đã trình UBND tỉnh, chưa được phê duyệt) có định hướng phát triển khu đô thị mới, thương mại, dịch vụ, du lịch tổng hợp tại thị trấn Di Linh và xã Gung Ré với quy mô 318 ha. Theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Di Linh của UBND tỉnh cũng có xác định định hướng phát triển Khu đô thị tại thị trấn Di Linh và xã Gung Ré, huyện Di Linh. Bên cạnh đó, UBND huyện Di Linh cho hay phạm vi, ranh giới phù hợp, không chồng lấn với các Đồ án quy hoạch hay đề xuất của nhà tài trợ khác,... UBND huyện Di Linh đề nghị đơn vị tài trợ trong quá trình khảo sát, nghiên cứu, tài trợ kinh phí lập quy hoạch thực hiện rà soát và cập nhật các Đồ án quy hoạch trong khu vực nghiên cứu, khảo sát, tài trợ; đồng thời cam kết về nguồn lực tài chính, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



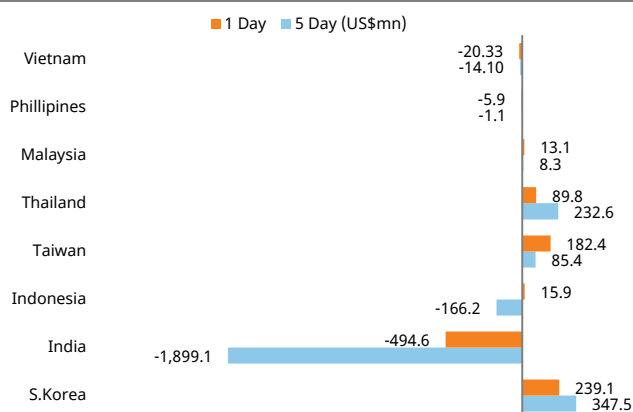
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



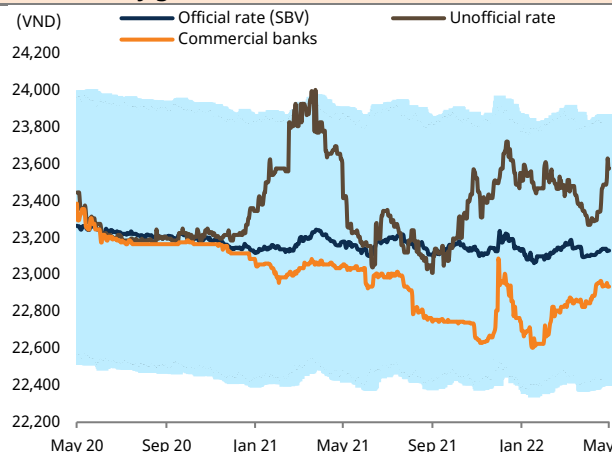
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



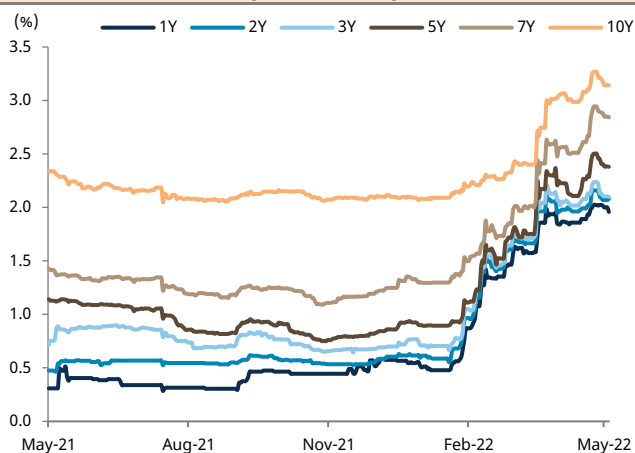
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



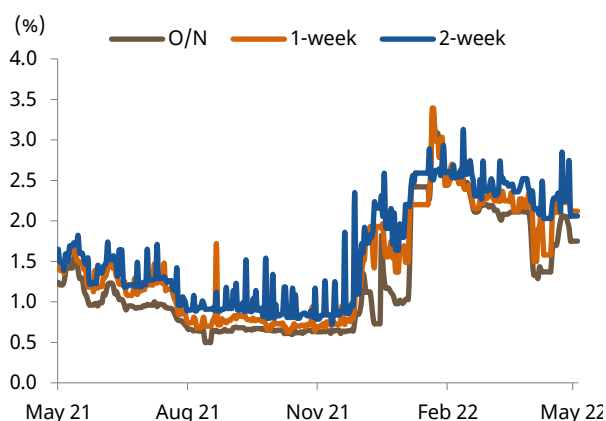
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,255.35	3,387,131		-2.1	-2.4	-13.1	-11.9	11.8	10.1	2.2	1.8	38.5	16.1	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	28,450	76,870	30.0	-2.1	-1.7	-11.9	-5.2	8.1	6.2	1.7	1.3	24.6	32.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	33,350	168,702	16.8	-3.3	-4.4	-13.4	-6.3	19.3	12.8	2.0	1.8	50.3	50.6	11.0	16.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	50,800	37,710	26.4	1.2	0.2	-19.4	-4.7	19.9	17.1	1.8	1.7	21.8	16.6	9.2	10.2
VietinBank	CTG VN	25,000	120,144	26.0	-3.5	-6.0	-15.0	-33.1	8.5	5.6	1.3	1.1	18.2	53.5	15.8	20.3
FPT Corp	FPT VN	96,500	88,220	49.0	-1.0	-1.2	-13.1	18.3	22.2	20.0	4.9	4.2	21.5	10.7	23.4	26.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	103,500	198,094	2.9	-1.0	-1.4	-7.8	27.8	23.8	16.7	3.9	3.6	8.1	42.1	16.8	20.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,700	94,800	0.5	0.0	1.5	-19.7	-6.5	22.8	17.8	2.0	#N/A	10.3	27.9	8.7	10.8
HDBank	HDB VN	24,200	48,695	16.3	-0.6	0.8	-3.8	-5.2	8.0	6.6	1.7	1.3	42.5	21.2	23.3	22.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	36,750	164,380	21.6	-2.4	-3.8	-16.1	-24.4	5.1	5.3	1.8	1.4	151.5	-3.6	42.8	31.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	40,900	26,296	32.7	-1.2	-1.4	-16.5	20.3	22.8	19.0	2.6	2.2	3.1	20.3	12.2	13.3
MBBank	MBB VN	26,300	99,370	23.2	-2.6	-1.3	-12.3	2.5	7.8	6.3	1.7	1.3	53.0	23.6	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	104,500	148,039	28.7	-3.1	1.3	-15.2	12.1	17.3	25.8	4.5	3.9	589.7	-33.1	35.1	16.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	130,800	95,749	49.0	-2.4	-2.0	-16.0	34.9	19.0	14.6	4.6	3.9	18.2	29.7	27.3	27.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	76,400	148,959	6.4	-1.8	-2.4	-5.7	-1.1	42.0	25.9	4.2	3.6	-18.7	62.4	10.6	15.6
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,000	35,597	2.3	-1.5	-5.0	-18.3	-4.9	19.8	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,250	51,141	17.2	-0.6	-2.8	-19.7	-29.9	22.5	14.9	2.0	1.5	160.6	51.3	9.7	13.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	104,500	25,327	52.2	-1.4	2.4	-9.1	2.7	24.9	17.0	4.0	3.0	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	12,750	29,859	2.1	-0.4	0.8	-4.5	9.0	16.8	16.9	1.0	1.0	-24.2	-0.1	6.2	5.9
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	154,100	98,821	62.7	-1.5	-4.6	-9.5	2.6	28.0	23.0	4.7	4.2	-22.9	21.9	17.1	19.3
SSI Securities Corp	SSI VN	26,500	26,308	36.8	-6.9	-7.5	-26.5	2.9	10.2	9.6	1.8	#N/A	100.3	6.7	21.0	22.5
Sacombank	STB VN	20,350	38,364	20.9	-5.8	-6.4	-29.3	-29.5	12.5	7.3	1.1	1.0	30.6	72.1	9.5	13.9
Techcombank	TCB VN	34,850	122,355	22.5	-2.4	-3.3	-21.0	-31.4	6.8	5.7	1.3	1.1	46.1	19.0	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	30,000	47,453	30.0	-4.5	-6.8	-14.8	22.7	9.3	#N/A	1.8	1.5	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	74,400	352,099	23.6	-1.2	-1.3	-9.5	-1.9	17.7	13.4	3.2	2.6	19.7	32.1	19.6	21.1
Vinhomes JSC	VHM VN	66,700	290,436	23.3	-0.1	-0.3	3.1	-16.5	7.4	8.6	2.3	1.9	40.9	-13.7	36.9	23.7
Vingroup JSC	VIC VN	77,400	295,199	12.6	-0.5	-0.8	-0.4	-28.9	#N/A	123.4	2.9	2.9	-145.6	191.6	-2.8	2.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,000	67,701	16.9	-0.2	-0.6	-9.6	10.9	899.3	55.0	4.0	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	66,300	138,564	54.4	-2.6	-5.7	-12.6	-25.7	14.7	14.6	4.2	4.0	-5.3	0.4	29.3	28.8
VPBank	VPB VN	29,300	130,252	17.5	-4.2	-5.3	-20.4	-22.2	11.1	6.7	1.7	1.3	11.6	65.3	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	27,350	62,148	31.1	0.0	-0.2	-11.5	-9.9	47.3	25.5	2.0	1.9	-44.8	85.8	4.4	7.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	-21.90	4,920,386	-1.8	-1.8	-11.6	-5.1	34.7	18.1	14.1	12.0
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,852	-1.0	-1.9	-4.7	15.8	-0.1	11.9	14.7	13.2
Ngân hàng	-9.42	1,468,237	-2.4	-2.8	-13.7	-8.1	33.7	34.7	10.7	7.9
Xây dựng cơ bản	-1.91	237,221	-3.0	0.4	-11.1	37.0	20.3	23.3	14.1	11.4
Dịch vụ thương mại	0.00	5,333	-0.1	-2.3	-0.2	21.4	-5.1	12.5	15.8	14.1
May mặc và trang sức	-0.14	50,634	-1.0	0.9	-12.9	11.2	11.4	40.4	19.2	13.7
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,495	0.2	-0.8	-10.1	3.8	244.8	584.6	143.3	20.9
Dịch vụ tài chính	-1.70	117,963	-5.4	-4.5	-23.1	10.3	139.0	8.6	7.8	7.1
Dầu khí	0.00	71,580	0.0	-0.5	-14.4	-15.8	83.2	51.4	20.9	13.8
Thực phẩm, đồ uống	-2.38	500,782	-1.8	-2.1	-11.8	5.4	26.1	7.6	19.2	17.9
Y tế	-0.02	3,038	-2.3	0.9	-17.9	63.4	45.2	36.6	25.1	18.4
Bảo hiểm	0.14	50,878	1.1	0.0	-17.9	8.9	27.1	10.6	17.1	15.5
Nguyên vật liệu	-1.15	425,859	-1.0	0.0	-16.2	21.1	118.7	-12.8	7.6	8.7
Dược phẩm	-0.02	29,737	-0.2	-1.2	-8.7	5.6	9.1	4.7	16.4	15.6
Bất động sản	-3.50	1,104,041	-1.2	-1.3	-3.5	-5.6	7.8	14.2	20.2	17.7
Bán lẻ	-0.53	112,492	-1.8	-1.7	-15.7	57.5	33.8	26.8	18.5	14.6
Phần mềm và dịch vụ	-0.27	95,384	-1.1	-1.3	-13.3	22.5	22.6	19.3	22.4	18.8
Vận tải	-0.47	186,080	-0.9	-2.1	-10.2	21.2	-1.5	76.2	#N/A	#N/A
Tiện ích	-0.61	328,006	-0.7	-1.1	-7.0	23.8	10.1	-13.8	18.5	21.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BVH VN	50,800	1.2	1,398,000	0.1
DCM VN	33,300	2.1	7,564,000	0.1
BHN VN	55,500	2.8	2,100	0.1
PGV VN	29,300	1.0	1,400	0.1
IDI VN	20,750	7.0	4,702,500	0.1
PVD VN	20,750	3.0	7,572,200	0.1
SCS VN	168,000	3.3	7,800	0.1
DGC VN	214,600	0.8	1,133,400	0.1
VHC VN	90,500	1.6	2,058,700	0.1
FRT VN	111,500	2.8	1,032,600	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	33,350	-3.3	1,002,800	-1.5
VPB VN	29,300	-4.2	11,050,700	-1.5
BCM VN	71,100	-6.4	226,800	-1.3
MSN VN	104,500	-3.1	700,700	-1.2
CTG VN	25,000	-3.5	4,208,800	-1.1
VCB VN	74,400	-1.2	631,600	-1.1
HPG VN	36,750	-2.4	10,178,900	-1.0
VNM VN	66,300	-2.6	2,022,200	-1.0
TCB VN	34,850	-2.4	5,290,600	-0.8
NVL VN	76,400	-1.8	1,912,800	-0.7

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.